

Số: 46 /2024/QĐ-UBND

Hải Dương, ngày 04 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định phân công nhiệm vụ quản lý Nhà nước về giá
trên địa bàn tỉnh Hải Dương**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Giá ngày 19 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của
Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 28/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ
Tài chính Quy định về trình tự, thủ tục kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá,
thẩm định giá;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này "Quy định phân công nhiệm
vụ quản lý Nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Hải Dương".

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 11 năm 2024 thay
thế Quyết định số 25/2016/QĐ-UBND ngày 18 tháng 8 năm 2016 của Ủy ban
nhân dân tỉnh Hải Dương về việc Quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn
tỉnh Hải Dương và Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm
2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương sửa đổi, bổ sung Quyết định số
25/2016/QĐ-UBND.

2. Những quy định quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá chưa được
quy định tại Quyết định này thì thực hiện theo quy định tại Luật Giá số
16/2023/QH15, các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Giá và các quy định
của pháp luật có liên quan.

3. Các văn bản được dẫn chiếu tại Quyết định này nếu có sửa đổi, bổ
sung, thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung thay thế.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND, UBND tỉnh;
- Trưởng Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm CNTT - VP UBND tỉnh;
- Lưu: VP, KTTC, Thư.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Văn Quân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Phân công nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Hải Dương

*(Kèm theo Quyết định số 46 /2024/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về phân công thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan được phân công thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Hải Dương.
2. Tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ; người tiêu dùng; cơ quan nhà nước; tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động trong lĩnh vực giá trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Phân công thực hiện bình ổn giá

1. Sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực về hàng hóa, dịch vụ có trách nhiệm tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện bình ổn giá theo chủ trương của Chính phủ và hướng dẫn của các Bộ, cơ quan ngang bộ quản lý ngành, lĩnh vực đối với các mặt hàng cụ thể như sau:

- a) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì đối với các mặt hàng thóc tẻ, gạo tẻ; phân đạm, phân DAP, phân NPK; thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản; vắc - xin phòng bệnh cho gia súc, gia cầm; thuốc bảo vệ thực vật;
- b) Sở Công Thương chủ trì đối với các mặt hàng xăng, dầu thành phẩm; khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG);

c) Sờ Y tế chủ trì đối với mặt hàng sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi, thuốc thuộc danh mục thuốc thiết yếu được sử dụng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

d) Sờ, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực chủ trì đối với hàng hóa, dịch vụ được bổ sung vào Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá và hàng hóa, dịch vụ không nằm trong Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá nhưng cần bình ổn giá ngay theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 20 của Luật Giá số 16/2023/QH15.

2. Các Sờ, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực quy định tại khoản 1 Điều này có trách nhiệm tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện bình ổn giá, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo kết quả về Bộ, cơ quan ngang Bộ quản lý ngành, lĩnh vực theo quy định.

3. Trường hợp cần điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá: Sờ quản lý ngành, lĩnh vực đề xuất điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá theo các tiêu chí về hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá quy định tại khoản 1 Điều 17 của Luật Giá số 16/2023/QH15 và khoản 1 Điều 4 của Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh có văn bản đề nghị điều chỉnh gửi Bộ Tài chính tổng hợp, trình Chính phủ theo quy định.

Điều 4. Phân công thực hiện nhiệm vụ đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của UBND cấp tỉnh

1. Ban hành quy định về Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ

Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan; trường hợp chưa có quy định thì các Sờ, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực cấp tỉnh có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành đặc điểm kinh tế - kỹ thuật theo thẩm quyền đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc chức năng quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực được giao.

2. Về định giá đối với hàng hoá, dịch vụ

a) Các Sờ, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực cấp tỉnh thực hiện việc thẩm định phương án giá và trình văn bản định giá đối với danh mục hàng hóa, dịch vụ thuộc chức năng quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện việc thẩm định phương án giá, xin ý kiến tham gia của Sờ, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực tại khoản 1 Điều này và trình văn bản định giá với Ủy ban nhân dân tỉnh về định giá cụ thể đối với hàng hóa, dịch vụ là sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước cấp huyện, cấp xã và thuộc thẩm quyền đặt hàng của Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã.

c) Cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ thực hiện việc thẩm định phương án giá chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức lựa chọn, yêu cầu cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ lập phương án giá

theo quy định tại điểm đ khoản 1, điểm d khoản 2 và khoản 3 Điều 9 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

3. Các cơ quan, đơn vị thực hiện việc thẩm định phương án giá, trình văn bản định giá và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ được giao nhiệm vụ tại Phụ lục I kèm theo Quy định này.

Điều 5. Phân công thực hiện nhiệm vụ đối với hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá

1. Phân công cơ quan tiếp nhận kê khai giá và cơ quan có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ đặc thù thực hiện kê khai giá tại địa phương chi tiết tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quy định này. Cơ quan tiếp nhận kê khai giá hàng hóa, dịch vụ thực hiện quyền và trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại khoản 1 Điều 18 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Trường hợp cần điều chỉnh danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá thuộc thẩm quyền của Chính phủ quy định tại điểm d khoản 2 Điều 28 của Luật Giá số 16/2023/QH15 thì Sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực của hàng hóa, dịch vụ lấy ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và Bộ, cơ quan ngang bộ quản lý ngành, lĩnh vực theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 15 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP và chuẩn bị hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều 15 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ gửi Sở Tài chính tổng hợp đề báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh gửi Bộ Tài chính.

3. Việc ban hành danh sách tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá (*sau đây gọi là Danh sách kê khai giá*)

a) Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị liên quan rà soát tổng thể trên cơ sở đề xuất về Danh sách kê khai giá hoặc đề xuất điều chỉnh Danh sách kê khai giá của các cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ kê khai giá, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Danh sách kê khai giá tổng hợp trước ngày 15 tháng 02 hàng năm hoặc ban hành Điều chỉnh danh sách kê khai giá trên địa bàn tỉnh khi có phát sinh yêu cầu.

b) Cơ quan, đơn vị được giao tiếp nhận hồ sơ kê khai giá theo quy định tại khoản 1 Điều này, căn cứ danh mục hàng hóa, dịch vụ được phân công tiếp nhận và theo yêu cầu của công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường, công tác quản lý nhà nước về giá theo ngành, lĩnh vực, rà soát lựa chọn tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ để đưa vào Danh sách kê khai giá đối với những tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có trụ sở chính trên địa bàn tỉnh mà không có tên trong Danh sách kê khai giá của các bộ, cơ quan ngang bộ đã ban hành, gửi Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 6. Kiểm tra yếu tố hình thành giá

Việc kiểm tra yếu tố hình thành giá thực hiện trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 31 Luật Giá số 16/2023/QH15. Các Sở, cơ quan quản lý

ngành, lĩnh vực cấp tỉnh có trách nhiệm thực hiện kiểm tra yếu tố hình thành giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực, phạm vi chuyên ngành quản lý theo thẩm quyền hoặc thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về bình ổn giá, định giá, kê khai giá được quy định tại các Điều 3, 4 và 5 Quy định này và theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 7. Quản lý cơ sở dữ liệu về giá

1. Sở Tài chính có trách nhiệm chủ trì xây dựng, tổ chức việc quản trị, điều hành hệ thống Cơ sở dữ liệu về giá phục vụ quản lý Nhà nước trong lĩnh vực ngành, địa phương theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

2. Các sở, ngành, cơ quan cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm phối hợp xây dựng dữ liệu về giá phục vụ quản lý Nhà nước trong lĩnh vực ngành, địa phương theo hướng dẫn của Sở Tài chính.

Điều 8. Cập nhật thông tin dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu về giá

1. Sở Tài chính chịu trách nhiệm cập nhật các thông tin, dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu về giá của địa phương gồm:

a) Báo cáo giá thị trường của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định của Bộ Tài chính;

b) Giá tính lệ phí trước bạ do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành theo quy định của pháp luật;

c) Giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh do Sở Tài chính chủ trì tham mưu;

d) Danh sách các các tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá; giá hàng hóa dịch vụ thực hiện kê khai thuộc thẩm quyền Sở Tài chính tiếp nhận kê khai giá;

đ) Thông báo kết quả thẩm định giá của Hội đồng thẩm định giá do Sở Tài chính quyết định thành lập hoặc tham mưu cơ quan có thẩm quyền quyết định thành lập.

e) Giá hàng hóa dịch vụ khác theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh do Sở Tài chính chủ trì tham mưu hoặc quyết định ban hành theo thẩm quyền.

2. Các sở, ngành, cơ quan cấp tỉnh chịu trách nhiệm cập nhật các thông tin, dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu về giá của địa phương, gồm:

a) Giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh do sở, ngành, cơ quan chủ trì tham mưu;

b) Danh sách các các tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá; giá hàng hóa dịch vụ thực hiện kê khai thuộc thẩm quyền sở, ngành, cơ quan tiếp nhận kê khai giá;

c) Thông báo kết quả thẩm định giá của Hội đồng thẩm định giá do sở, ngành, cơ quan quyết định thành lập hoặc tham mưu cơ quan có thẩm quyền quyết định thành lập.

d) Giá hàng hóa dịch vụ khác theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh do sở, ngành, cơ quan chủ trì tham mưu hoặc quyết định ban hành theo thẩm quyền.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm cập nhật các thông tin, dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu về giá của địa phương gồm:

a) Giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh do Ủy ban nhân dân huyện chủ trì tham mưu;

b) Thông báo kết quả thẩm định giá của Hội đồng thẩm định giá do Ủy ban nhân dân huyện quyết định thành lập;

c) Giá hàng hóa dịch vụ khác theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh do Ủy ban nhân dân huyện chủ trì tham mưu ban hành hoặc quyết định ban hành theo thẩm quyền.

Điều 9. Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá

1. Sở Tài chính: Kiểm tra các sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện về việc thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá được quy định tại Quy định này và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Các Sở, ngành, cơ quan cấp tỉnh: Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc và các tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa dịch vụ thuộc lĩnh vực, phạm vi quản lý nhà nước về giá của sở, ngành, cơ quan mình được quy định tại các Điều 3, 4 và 5 Quy định này và theo quy định của pháp luật có liên quan.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện: Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc và các tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực, địa bàn, phạm vi quản lý nhà nước về giá của Ủy ban nhân dân huyện được quy định tại các Điều 3, 4 và 5 Quy định này và theo quy định của pháp luật có liên quan.

4. Cơ quan được giao nhiệm vụ tại khoản 1, 2 Điều này có trách nhiệm xây dựng và trình Ủy ban nhân dân tỉnh để phê duyệt kế hoạch kiểm tra trước ngày 15 tháng 12 hằng năm.

Điều 10. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc thực hiện Quy định này.

2. Các Sở, ngành, cơ quan thuộc tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố căn cứ chức năng, nhiệm vụ quyền hạn được giao có trách nhiệm triển khai, phổ biến Quy định này đến các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan để tổ chức thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá được giao thuộc phạm vi, lĩnh vực, địa bàn quản lý.

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có phát sinh vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.

Phụ lục I
PHÂN CÔNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ LIÊN QUAN ĐỐI VỚI HÀNG HÓA, DỊCH VỤ
THUỘC THẨM QUYỀN ĐỊNH GIÁ CỦA UBND TỈNH
(Kèm theo Quy định phân công nhiệm vụ quản lý Nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Hải Dương)

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan tham mưu UBND tỉnh ban hành đặc điểm kinh tế kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan thẩm định phương án giá và trình văn bản định giá
I	Định khung giá		
1	Dịch vụ sử dụng phá được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý	Sở Giao thông Vận tải	Sở Giao thông Vận tải
2	Rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất thuộc sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của địa phương	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Nông nghiệp và PTNT
II	Định giá tối đa		
1	Dịch vụ sử dụng đường bộ của các dự án đầu tư xây dựng đường bộ (trừ dịch vụ sử dụng đường bộ cao tốc) để kinh doanh, do địa phương quản lý	Sở Giao thông Vận tải	Sở Giao thông Vận tải
2	Dịch vụ sử dụng phá được đầu tư từ nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý	Sở Giao thông Vận tải	Sở Giao thông Vận tải
3	Dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga (bao gồm cảng, bến thủy nội địa) được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý	Sở Giao thông Vận tải	Sở Giao thông Vận tải
4	Dịch vụ ra, vào bến xe ô tô	Sở Giao thông Vận tải	Sở Giao thông Vận tải

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan tham mưu UBND tỉnh ban hành đặc điểm kinh tế kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan thẩm định phương án giá và trình văn bản định giá
5	Dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng	Sở Tư pháp	Sở Tư pháp
6	Dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt áp dụng đối với chủ đầu tư, cơ sở thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường
III	Định giá cụ thể		
A	Định giá cụ thể theo khung giá, giá tối đa của Bộ		
1	Nước sạch	Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Xây dựng	Sở Tài chính
2	Dịch vụ kiểm dịch y tế, y tế dự phòng tại cơ sở y tế công lập	Sở Y tế	Sở Y tế
3	Dịch vụ điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện tại các đơn vị sự nghiệp công lập	Sở Y tế	Sở Y tế
B	Định giá cụ thể		
1	Sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý, đặt hàng của địa phương	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Nông nghiệp và PTNT
2	Sản phẩm, dịch vụ công (dịch vụ sự nghiệp công và sản phẩm, dịch vụ công ích) trong danh mục được cấp có thẩm quyền ban hành, sử dụng ngân sách nhà nước và thuộc thẩm quyền đặt hàng của cơ quan, tổ chức ở địa phương		

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan tham mưu UBND tỉnh ban hành đặc điểm kinh tế kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan thẩm định phương án giá và trình văn bản định giá
2.1	Trường hợp sử dụng ngân sách nhà nước cấp tỉnh		Sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực cấp tỉnh
2.2	Trường hợp sử dụng ngân sách nhà nước cấp huyện		Ủy ban nhân dân cấp huyện
3	Dịch vụ đo đạc, lập bản đồ địa chính trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất mới hoặc cho phép thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất ở những nơi chưa có bản đồ địa chính có tọa độ	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường
4	Dịch vụ nghĩa trang, dịch vụ hỏa táng của cơ sở hỏa táng được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước	Sở Xây dựng	Sở Xây dựng
5	Dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, hộ gia đình, cá nhân	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường
6	Dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải (trừ giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải đối với khu công nghiệp, cụm công nghiệp được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước)	Sở Xây dựng	Sở Xây dựng
7	Dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước	Sở Giao thông Vận tải	Sở Tài chính
8	Dịch vụ thuê công trình hạ tầng kỹ thuật dùng chung đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước	Sở Xây dựng	Sở Xây dựng
9	Dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ được đầu tư từ nguồn vốn nhà nước	Sở Công thương	Sở Công thương
IV	Theo lĩnh vực định giá khung giá, giá tối đa, giá cụ thể tùy dịch vụ		

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan tham mưu UBND tỉnh ban hành đặc điểm kinh tế kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan thẩm định phương án giá và trình văn bản định giá
1	Dịch vụ sử dụng công sử dụng ngân sách nhà nước tính giá theo lộ trình thu của người sử dụng dịch vụ	Sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực cấp tỉnh	Sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực cấp tỉnh

Phụ lục 2

PHÂN CÔNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ LIÊN QUAN ĐỐI VỚI HÀNG HÓA, DỊCH VỤ KÊ KHAI GIÁ

(Kèm theo Quy định phân công nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Hải Dương)

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan tiếp nhận kê khai giá
A	Hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá trên phạm vi cả nước		
I	Hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá		
1	Xăng, dầu thành phẩm		Sở Công Thương
2	Khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)		Sở Công Thương
3	Sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi		Sở Y tế
4	Thóc tẻ, gạo tẻ		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
5	Phân đạm; phân DAP; phân NPK		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
6	Thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
7	Vắc - xin phòng bệnh cho gia súc, gia cầm		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
8	Thuốc bảo vệ thực vật		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
9	Thuốc thuộc danh mục thuốc thiết yếu được sử dụng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh		Sở Y tế

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan tiếp nhận kê khai giá
II	Hàng hoá, dịch vụ do Nhà nước định khung giá, giá tối đa, giá tối thiểu để các tổ chức định mức giá cụ thể bán cho người tiêu dùng		Sở quản lý ngành, lĩnh vực được giao thẩm định phương án giá có trách nhiệm tiếp nhận kê khai giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền thẩm định giá của mình.
III	Hàng hóa, dịch vụ thiết yếu khác do Chính phủ ban hành		
1	Xi măng		Sở Xây dựng
2	Nhà ở, nhà chung cư		Sở Xây dựng
3	Công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung đầu tư ngoài nguồn ngân sách nhà nước (giá thuê)		Sở Xây dựng
4	Thép xây dựng		Sở Công Thương
5	Than		Sở Công Thương
6	Etanol nhiên liệu không biến tính		Sở Công Thương
7	Khí tự nhiên hóa lỏng (LNG); khí thiên nhiên nén (CNG)		Sở Công Thương
8	Thuốc thú y để tiêu độc, sát trùng, tẩy trùng, trị bệnh cho gia súc, gia cầm và thủy sản		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
9	Đường ăn bao gồm đường trắng và đường tinh luyện		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
10	Muối ăn		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan tiếp nhận kê khai giá
11	Dịch vụ tại cảng biển khác ngoài hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá		Sở Giao thông vận tải
12	Dịch vụ vận chuyển hành khách bằng đường sắt loại ghế ngồi cứng, ghế ngồi mềm		Sở Giao thông vận tải
13	Dịch vụ vận tải hành khách tuyến cố định bằng đường bộ		Sở Giao thông vận tải
14	Thực phẩm chức năng cho trẻ em dưới 06 tuổi		Sở Y tế
15	Thiết bị y tế		Sở Y tế
16	Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước		Sở Y tế
17	Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh cho người tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân		Sở Y tế
B	Hàng hóa, dịch vụ đặc thù thực hiện kê khai giá tại địa phương		
1	Dịch vụ lưu trú	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch
2	Dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước	Sở Giao thông vận tải	Sở Giao thông vận tải
3	Dịch vụ tham quan tại khu du lịch trên địa bàn	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch
4	Dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi	Sở Giao thông vận tải	Sở Giao thông vận tải
5	Dịch vụ vận tải hành khách tham quan du lịch	Sở Giao thông vận tải	Sở Giao thông vận tải

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan tiếp nhận kê khai giá
6	Dịch vụ vận tải hàng hóa và hành khách tuyến cố định bằng đường thủy nội địa-đường biển	Sở Giao thông vận tải	Sở Giao thông vận tải
7	Vật liệu xây dựng chủ yếu khác (ngoài xi măng, thép quy định tại Danh mục kê khai giá trên phạm vi cả nước)	Sở Xây dựng	Sở Xây dựng
8	Giống phục vụ sản xuất nông nghiệp	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
9	Dịch vụ chủ yếu tại chợ ngoài dịch vụ do Nhà nước định giá	Sở Công thương	Sở Công thương
10	Dịch vụ kinh doanh nước khoáng nóng	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường